

Số: 53 /2013/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 26 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức và những người

hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, ấp, khu phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16/01/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của UBND huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật dân quân tự vệ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh tại Tờ trình số 624 /TTr-SNV ngày 19 tháng 11 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quy định gồm có 03 Chương, 20 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 6152/2004/QĐ.UB ngày 31/8/2004 về việc ban hành qui định tạm thời về thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c); Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế (t/đ); Cục Kiểm tra văn bản (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy (b/c); TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh (b/c);
- Ban TCTU (đ/b); Ủy ban MTTQVN tỉnh (đ/b);
- Các tổ chức Đoàn thể tỉnh (đ/b);
- Các thành viên UBND tỉnh (đ/b);
- Sở Tư pháp (t/đ); Như điều 3 (t/h);
- Công báo tỉnh; Đài PT&TH tỉnh; Báo BR-VT;
- Website Chính phủ; Website CCHC tỉnh;
- Lưu: VT; SNV. TCCQ.

Thư N8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, ấp, khu phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2013/QĐ-UBND ngày 26 /12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy định này quy định về thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và thôn, ấp, khu phố (sau đây gọi chung là thôn) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể:

1. Cán bộ cấp xã gồm:

a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Bí thư, phó Bí thư Chi bộ (nơi chưa thành lập Đảng ủy);

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

c) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

d) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Công chức cấp xã gồm:

a) Trưởng Công an xã;

b) Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã;

c) Văn phòng – thống kê;

d) Địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường (đối với xã);

đ) Tài chính – kế toán;

e) Tư pháp – hộ tịch;

g) Văn hóa – xã hội.

3. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã gồm các chức danh sau:

a) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Ủy viên thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo, Dân vận, Văn phòng Đảng ủy; Thống kê xã, phường, thị đội (*sau đây gọi là thống kê xã đội*); Giao thông, thủy lợi ...; Đô thị xây dựng ...; Thủy sản, nông, lâm, diêm nghiệp; Thương mại - Dịch vụ; Tổ chức nhà nước - Thi đua khen thưởng; Tôn giáo - Dân tộc; Lao động thương binh và xã hội; Địa chính - Môi trường; Văn hóa, Thể thao, Du lịch; Truyền thanh; Giao nhận hồ sơ, thủ tục hành chính "một cửa"; Thủ quỹ văn thư, lưu trữ;

b) Lực lượng Công an xã và Quân sự cấp xã gồm: Phó trưởng công an xã; Chỉ huy phó Quân sự cấp xã; Công an viên xã;

c) Một số chức danh khác làm việc ở cấp xã gồm: Chuyên môn Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng cấp xã; Giám nghèo; Nhân viên Hợp đồng lao động (tạp vụ, bảo vệ, ...).

4. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn gồm:

a) Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, ấp, khu phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố;

b) Lực lượng công an, quân sự làm việc ở thôn, ấp, khu phố gồm: Công an viên thôn, ấp; Thôn, ấp, khu đội trưởng (*sau đây gọi là Thôn đội trưởng*);

c) Những người làm công tác đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố được hỗ trợ bổ trí thêm, gồm: Phó Bí thư chi bộ; Phó thôn, ấp, khu phố; Bí thư đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Nông dân; Chi hội trưởng Phụ nữ; Chi hội trưởng Cựu chiến binh.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Công tác quản lý cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách, lực lượng công an, quân sự và một số chức danh khác ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy đảng, bảo đảm nguyên tắc tập trung, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thực hiện đúng các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác quản lý cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách, lực lượng công an, quân sự và một số chức danh khác ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố.

Điều 3. Nội dung quản lý

1. Quy hoạch.

2. Bầu cử; Tuyên dụng; Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm.

3. Tiếp nhận, điều động, biệt phái, luân chuyển.

4. Xếp lương, phụ cấp, trợ cấp, nâng bậc lương (bao gồm nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu); xếp, nâng phụ cấp thâm niên nghề.

5. Thực hiện chế độ thôi việc, nghỉ hưu.

6. Đánh giá, xếp loại.

7. Xử lý kỷ luật.
8. Quản lý hồ sơ.
9. Báo cáo, thống kê.

Chương II **THẨM QUYỀN QUẢN LÝ**

Điều 4. Quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, Phó Trưởng công an xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, Phó Trưởng công an xã theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Bầu cử đối với các chức danh cán bộ cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được bầu cử theo quy định của pháp luật. Riêng những địa phương không tổ chức Hội đồng nhân dân thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân được bổ nhiệm, miễn nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố thuộc khối Đảng, Mặt trận, Đoàn thể được bầu cử theo Điều lệ và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền.

3. Trưởng thôn, ấp, khu phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận sau khi được nhân dân trực tiếp bầu theo quy định.

Điều 6. Tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã và Trưởng, Phó trưởng công an xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Chỉ huy phó Quân sự cấp xã theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chỉ huy trưởng quân sự cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh Trưởng Công an xã, Phó trưởng công an xã theo đề nghị bằng văn bản của Trưởng Công an cấp huyện sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Điều 7. Công nhận, miễn nhiệm Công an viên làm việc ở xã và thôn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên xã theo đề nghị của Trưởng Công an xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng Công an và Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên thôn theo đề nghị của Trưởng Công an xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng Công an và Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện.

Điều 8. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Thôn đội trưởng

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Thôn đội trưởng theo đề nghị của Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện.

Điều 9. Tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Cho ý kiến đối với các trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận không qua thi tuyển theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ:

Có ý kiến bằng văn bản đối với việc không thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

a) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, thành lập Hội đồng tuyển dụng (nếu có) và tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định. Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ;

b) Phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng, hủy bỏ quyết định tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự công chức cấp xã đối với các chức danh công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội;

c) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch (nếu có), quyết định tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xây dựng nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm theo quy định để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

b) Cử người hướng dẫn tập sự, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận hết thời gian tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với công chức cấp xã mới được tuyển dụng;

c) Đề nghị Chỉ huy trưởng quân sự cấp huyện cho ý kiến đối với việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã;

d) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã;

đ) Có ý kiến bằng văn bản đối với việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức danh Trưởng Công an xã theo đề nghị của Trưởng Công an cấp huyện.

Điều 10. Tuyển dụng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tuyển dụng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (trừ các trường hợp nêu tại Điều 5, 6, 7 và 8 Quy định này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện. Riêng chức danh Thống kê xã đội, phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

Điều 11. Tiếp nhận, điều động, luân chuyển, bố trí

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức từ các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và công chức trong đơn vị sự nghiệp công lập để bố trí chức danh cán bộ, công chức cấp xã;

b) Có ý kiến bằng văn bản đối với việc tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức cấp xã từ ngoài tỉnh về bố trí chức danh cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh;

c) Có ý kiến bằng văn bản đối với việc cán bộ, công chức cấp xã chuyển công tác ra ngoài tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức cấp xã đối với các trường hợp sau:

- Trong nội bộ xã; từ xã này sang xã khác trong tỉnh;

- Ra ngoài tỉnh và từ tỉnh khác đến sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ;

- Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện và chức danh Trưởng Công an xã phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng Công an cấp huyện.

b) Thỏa thuận với Giám đốc Công an tỉnh về việc điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm chức danh Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định:

a) Điều chuyển những người hoạt động không chuyên trách cấp xã từ chức danh này sang chức danh khác trong nội bộ xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện theo quy định đối với các chức danh bầu cử;

b) Tiếp nhận, bố trí những người hoạt động không chuyên trách cấp xã từ xã này sang xã khác sau khi được sự thống nhất ý kiến bằng văn bản của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện và cấp có thẩm quyền theo quy định đối với các chức danh bầu cử.

Điều 12. Xếp lương, phụ cấp, trợ cấp, nâng bậc lương; xếp, nâng phụ cấp thâm niên nghề

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Quyết định xếp lương đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Quy định này;

b) Có ý kiến bằng văn bản việc xếp lương đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

a) Xếp lương và các khoản phụ cấp (nếu có), nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Riêng việc xếp lương đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ;

b) Xếp và nâng mức phụ cấp thâm niên đối với Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã;

c) Xếp và nâng mức phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự đối với Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã;

d) Phân bổ chỉ tiêu và quyết định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã;

đ) Nâng bậc lương trước thời hạn đề nghị hưu đối với cán bộ, công chức cấp xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định:

a) Xếp mức phụ cấp và hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

b) Xếp mức trợ cấp đối với những người làm công tác đoàn thể ở thôn sau khi được sự thống nhất ý kiến bằng văn bản của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện.

Điều 13. Giải quyết chế độ hưu trí, thôi việc

1. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định:

Nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ cấp xã không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định bố trí công tác khác hoặc cho nghỉ công tác chờ đủ tuổi hưu đối với cán bộ cấp xã không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm theo quy định;

b) Thông báo nghỉ hưu, Quyết định nghỉ hưu, Quyết định thôi việc đối với cán bộ, công chức cấp xã và Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, Phó trưởng công an xã.

Riêng đối với chức danh Trưởng, phó trưởng công an xã phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng Công an cấp huyện và chức danh Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự cấp xã phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thông báo nghỉ hưu, Quyết định nghỉ hưu, Quyết định thôi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (trừ Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã và Phó Trưởng công an xã) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện.

Riêng chức danh Thống kê xã đội phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện; chức danh Công an viên xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng Công an và Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

b) Quyết định thôi việc đối với Công an viên thôn, ấp sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Trưởng Công an và Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

c) Có ý kiến bằng văn bản về việc thôi việc đối với Thôn đội trưởng theo đề nghị của Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã;

d) Quyết định thôi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn (trừ Công an viên thôn, ấp và Thôn đội trưởng) và báo cáo Phòng Nội vụ cấp huyện để theo dõi.

Điều 14. Đánh giá, xếp loại

1. Các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

2. Bí thư Đảng ủy cấp xã quyết định đánh giá, xếp loại sau khi tham khảo ý kiến bằng văn bản của Mặt trận, Đoàn thể cấp trên đối với chức danh Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đánh giá, xếp loại đối với công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách, lực lượng công an, quân sự ở cấp xã và thôn. Riêng chức danh Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó quân sự cấp xã phải tham khảo ý kiến góp ý bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện và chức danh Trưởng, Phó trưởng công an xã phải tham khảo ý kiến góp ý bằng văn bản của Trưởng Công an huyện.

Điều 15. Xử lý kỷ luật

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý kỷ luật đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, công chức cấp xã và Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, Phó trưởng công an xã.

2. Việc kỷ luật đối với cán bộ trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ và Điều lệ, các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền.

3. Việc xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn: thực hiện theo văn bản quy định, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Quản lý hồ sơ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng hồ sơ, lưu trữ và bảo quản hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng hồ sơ, lưu trữ và bảo quản hồ sơ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn.

Điều 17. Thống kê, báo cáo

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thống kê, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ và đột xuất về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

3. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn thuộc tỉnh theo quy định.

Điều 18. Đối với cán bộ cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn giữ chức vụ bầu cử, khi thực hiện các nội dung quản lý tại Điều 3 của Quy định này phải được thực hiện theo Điều lệ và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

1. Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn theo Quy định này;

b) Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hủy bỏ hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền hủy bỏ các quyết định liên quan đến các nội dung quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn trái với Quy định này và các quy định khác có liên quan;

c) Báo cáo các thông tin liên quan đến nội dung quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn theo yêu cầu đột xuất của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức triển khai Quy định này đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trong việc thực hiện các nội dung quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn theo quy định này;

c) Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hủy bỏ hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền hủy bỏ các quyết định liên quan đến các nội dung quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn trái với Quy định này và các quy định khác có liên quan;

d) Gửi các quyết định và văn bản khác có liên quan đến nội dung quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quyền quyết định tại Quy định này đến Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp để theo dõi, quản lý;

đ) Báo cáo những nội dung có liên quan đến công tác quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này đến cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn;

b) Thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp và gửi các quyết định, văn bản có liên quan đến Ủy ban nhân dân, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Kho bạc Nhà nước cấp huyện để theo dõi, quản lý;

c) Báo cáo những nội dung có liên quan đến công tác quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Nội vụ cấp huyện và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 20. Các cơ quan và người được giao thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn có trách nhiệm nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên